TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** **TỈNH LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS–ST.
Ngày 15/11/2019.
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG, TỈNH LÀO CAI

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà*: Ông Bùi Ngọc Thanh.
- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Trần Quang Chương;
2. Bà Trần Thị Huệ;

- *Thư ký phiên toà*: Ông Ngô Hoàng Tùng – Thư ký, Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 10/2019/TLST – DS, ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXXST–DS, ngày 24 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/2019/QĐST-DS ngày 07 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hứa Thị Thu T (Tên gọi khác: Hứa Thị T) - Sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số nhà 203, đường N, tổ 39, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn:

1. Bà Nguyễn Thị H - Luật sư, Công ty Luật TNHH Bảo Bình, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

2. Bà Nguyễn Thị H1 - Luật sư, Công ty Luật TNHH Bảo Bình, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.

Địa chỉ: Số nhà 166, phố T, huyện Đ, thành phố Hà Nội. (Có mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H - Sinh năm 1972.

Địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh H là ông Bùi Xuân D - Luật sư, văn phòng luật sư Q, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Lào Cai (Theo văn bản ủy quyền ngày 21/6/2019).

Địa chỉ: Số nhà 138, đường T, tổ 33 phường C, thành phố L, tỉnh Lào Cai. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 02 năm 2019 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa xét xử, nguyên đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn, đều trình bầy: Ngày 11/5/2014 tại nhà ông Nguyễn Văn K (Tổ 09, phường K, thành phố L, tỉnh Lào Cai) bà Hứa Thị Thu T và ông Nguyễn Văn K cùng nhau cho ông Nguyễn Thanh H vay số tiền là 4.000.000.000VNĐ (*Bốn tỷ đồng*). Bà Hứa Thị Thu T và ông Nguyễn Văn K mỗi người cho vay 2.000.000.000VNĐ (*Hai tỷ đồng*). Các bên có ký hợp đồng kinh tế về việc mượn tiền, ông Nguyễn Thanh H đã ký giấy biên nhận đã nhận đủ số tiền vay của bà Hứa Thị Thu T và ông Nguyễn Văn K. Trong hợp đồng kinh tế về việc mượn tiền có thỏa thuận mức lãi suất cho vay là 1,5%/tháng, tiền lãi trả vào ngày 12 hàng tháng. Tài sản thế chấp cho khoản vay là 6.600 cổ phần của ông Nguyễn Thanh H, tương ứng với 11% tổng số vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần B.

Các bên thỏa thuận, khi nào bà Hứa Thị Thu T và ông Nguyễn Văn K có yêu cầu trả lại một phần hoặc toàn bộ số tiền cho vay, thì chậm nhất 20 ngày kể từ ngày bà Hứa Thị Thu T và ông Nguyễn Văn K thông báo yêu cầu trả tiền thì ông Nguyễn Thanh H phải trả tiền vay theo yêu cầu. Nếu đến hạn trả nợ mà ông Nguyễn Thanh H không trả được số tiền vay thì bà Hứa Thị Thu T và ông Nguyễn Văn K mỗi người được toàn quyền sở hữu 3.300 cổ phần của ông Nguyễn Thanh H tại Công ty Cổ phần B.

Tiếp đến ngày 15/10/2014 ông Nguyễn Thanh H có vay thêm của bà Hứa Thị Thu T số tiền là 150.000.000VNĐ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Bà Hứa Thị Thu T đã chuyển khoản cho ông Nguyễn Thanh H tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cốc Lếu, Lào Cai.

Bà Hứa Thị Thu T nhiều lần trao đổi với ông Nguyễn Thanh H về việc hoàn trả tiền đã vay, nhưng ông Nguyễn Thanh H không thanh toán, nên ngày 26/11/2018 bà Hứa Thị Thu T gửi giấy đề nghị thanh toán khoản tiền vay gửi cho ông Nguyễn Thanh H yêu cầu ông Nguyễn Thanh H thanh toán số tiền nợ bao gồm: Nợ gốc là 2.150.000.000VNĐ và tiền lãi suất theo thỏa thuận tạm tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/12/2018 số tiền là: 1.410.000.000VNĐ. Tổng cộng cả gốc và lãi suất là 3.560.000.000VNĐ, nhưng ông Nguyễn Thanh H không thanh toán. Bà Hứa Thị Thu T đã nhiều lần yêu cầu ông Nguyễn Thanh H thực hiện nghĩa vụ trả tiền, nhưng ông Nguyễn Thanh H không thực hiện. Do đó, bà Hứa Thị Thu T khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giải quyết buộc ông Nguyễn Thanh H phải hoàn trả cho bà Hứa Thị Thu T toàn bộ số tiền đã vay bao gồm: Nợ gốc của hai lần vay là 2.150.000.000VNĐ (*Hai tỷ một trăm năm mươi triệu đồng*). Nợ lãi theo hợp

đồng là 1,5%/tháng đối với khoản tiền đã cho ông Nguyễn Thanh H vay. Ngày 03/6/2019 bà Hứa Thị Thu T có ý kiến thay đổi về nội dung yêu cầu về mức tính lãi suất của khoản tiền đã cho ông Nguyễn Thanh H vay, tính theo mức lãi suất của Ngân hàng cho vay là 12%/năm, tương đương với mức lãi suất 01%/tháng đối với số tiền vay tính từ ngày 01/01/2015 đến nay.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hứa Thị Thu T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, yêu cầu ông Nguyễn Thanh H phải hoàn trả số tiền cụ thể như sau:

Khoản tiền gốc là: 2.150.000.000VNĐ (Hai tỷ một trăm năm mươi triệu đồng).

Khoản tiền lãi suất của số tiền vay tương đương với 01%/tháng tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày xét xử 15/11/2019 là 1.257.000.000VNĐ (Một tỷ, hai trăm năm mươi bảy triệu đồng). Tổng cộng: 3.407.000.000VNĐ (Ba tỷ, bốn trăm linh bảy triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bầy đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như sau: Trong bản tự khai ngày 03/4/2019 và nội dung lời khai tại biên bản lấy lời khai ngày 09/4/2019, bị đơn ông Nguyễn Thanh H đã xác định: Ngày 27/11/2018 ông Nguyễn Thanh H có nhận được giấy đề nghị thanh toán của bà Hứa Thị Thu T gửi qua đường Bưu điện yêu cầu trả khoản tiền bà Hứa Thị Thu T đã cho ông Nguyễn Thanh H vay cùng với ông Nguyễn Văn K vào ngày 11/5/2014. Ông Nguyễn Thanh H thừa nhận khi vay tiền có lập hợp đồng kinh tế về việc mượn tiền của ông Nguyễn Văn K và bà Hứa Thị Thu T với số tiền 4.000.000.000VNĐ (*Bốn tỷ đồng*). Trong đó, ông Nguyễn Thanh H vay của ông Nguyễn Văn K là 2.000.000.000VNĐ và vay của bà Hứa Thị Thu T là 2.000.000.000VNĐ (*Hai tỷ đồng*) với mức lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng thời hạn trả là không xác định. Tài sản thế chấp là 11% cổ phần của ông Nguyễn Thanh H trong Công ty Cổ phần B. Đến ngày 15/10/2014 do cần tiền đáo nợ Ngân hàng, ông Nguyễn Thanh H có vay thêm của bà Hứa Thị Thu T số tiền 150.000.000VNĐ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Ông Nguyễn Thanh H cũng đã được nhận khoản tiền cho vay và có ký giấy biên nhận xác nhận vào ngày 11/5/2014. Còn với số tiền 150.000.000VNĐ ông Nguyễn Thanh H vay của bà Hứa Thị Thu T, ông Nguyễn Thanh H cũng đã nhận được qua chuyển khoản. Ông Nguyễn Thanh H thừa nhận, sau khi nhận được thông báo trả tiền do điều kiện hoàn cảnh của ông Nguyễn Thanh H gặp nhiều khó khăn nên ông Nguyễn Thanh H chưa trả được số tiền đã vay của bà Hứa Thị Thu T là 2.150.000.000VNĐ. Đến nay bà Hứa Thị Thu T khởi kiện thì quan điểm của ông Nguyễn Thanh H là nhất trí trả nợ khoản vay, nhưng đề nghị bà Hứa Thị Thu T tiếp nhận số cổ phần 5% còn lại của ông Nguyễn Thanh H tại Công ty Cổ phần B tương đương với số tiền 2.500.000.000VNĐ để đối trừ trả nợ. Nếu bà Hứa Thị Thu T không đồng ý ông Nguyễn Thanh H đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để các bên thỏa thuận về việc trả nợ. Ngoài ra, ông Nguyễn Thanh H đã xác định: Khoản tiền 2.000.000.000VNĐ (*Hai tỷ đồng*) ông Nguyễn Thanh H vay của ông Nguyễn Văn K cùng với bà Hứa Thị Thu T ngày 11/5.2014, ông Nguyễn Thanh H đã trả xong cho ông Nguyễn Văn K bằng hình thức gán 6% cổ phần

của ông Nguyễn Thanh H tại Công ty Cổ phần B cho ông Nguyễn Văn K vào đầu năm 2015.

Ngày 11/4/2019 bị đơn ông Nguyễn Thanh H có yêu cầu phản tố với nội dung:

Trong đơn phản tố và các bản tự khai ngày 21/5/2019; ngày 19/6/2019 của bị đơn ông Nguyễn Thanh H và bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đều trình bầy: Thừa nhận ngày ngày 11/5/2014, ông Nguyễn Thanh H có vay tiền của bà Hứa Thị Thu T với số tiền là 2.000.000.000VNĐ. Đến ngày 15/10/2014 bà Hứa Thị Thu T có chuyển cho ông Nguyễn Thanh H vay thêm số tiền 150.000.000VNĐ. Tổng cộng số tiền ông Nguyễn Thanh H vay của bà Hứa Thị Thuy Thủy là 2.150.000.000VNĐ. Ông Nguyễn Thanh H phản tố cho rằng, sau khi vay tiền ông Nguyễn Thanh H đã trả tiền cho bà Hứa Thị Thu T bằng các lần chuyển tiền cho bà Hứa Thị Thu T vào tài khoản riêng của bà Hứa Thị Thu T để trả nợ và đối trừ cụ thể như sau:

Ngày 16/5/2014 ông Nguyễn Thanh H trả bà Hứa Thị Thu T số tiền gốc 550.000.000VNĐ nên tiền nợ gốc còn lại 1.600.000.000VNĐ. Phần lãi còn nợ là 2.000.000.000VNĐ x 1,5% x 5 ngày = 5.000.0000VNĐ.

Ngày 23/9/2014 ông Nguyễn Thanh H trả gốc 250.000.000VNĐ nên tiền nợ gốc còn lại là 1.350.000.000VNĐ, phần lãi còn nợ 1.600.000.000 x 1,5%/tháng x 4 tháng 7 ngày = 101.600.000VNĐ.

Ngày 23/12/2014 ông Nguyễn Thanh H trả gốc 500.000.000VNĐ, nợ gốc còn 850.000.000VNĐ, phần lãi còn nợ 1.350.000.000 x 1,5%/tháng x 3 tháng = 60.750.000VNĐ.

Ngày 25/12/2014 ông Nguyễn Thanh H trả gốc cộng lãi suất còn lại là ông Nguyễn Thanh H cho bà Hứa Thị Thu T vay 1.020.000.000VNĐ - gốc 850.000.000VNĐ - các khoản lãi gồm (5.000.000VNĐ - 101.600.000VNĐ - 850.000.000VNĐ - 850.000VNĐ) = 1.800.000VNĐ.

Phần lãi còn nợ là 850.000.000 x 1,5%/tháng x 2 ngày = 850.000VNĐ.

Ngày 26/12/2014 ông Nguyễn Thanh H lại cho bà Hứa Thị Thu T vay tiếp 2.010.000.000VNĐ + 1.800.000VNĐ vay cũ = 2.011.800.000VNĐ x 1,5%/tháng tạm tính đến 26/4/2019 là 52 tháng x 1,5% = 1.569.204.000VNĐ.

Tính đến ngày 26/4/2019 sau khi đối trừ trả khoản nợ số tiền vay gốc là 2.150.000.000VNĐ và khoản lãi suất trả cho bà Hứa Thị Thu T thì bà Hứa Thị Thu T nợ lại ông Nguyễn Thanh H cả gốc và lãi suất là 3.581.004.000VNĐ, số tiền lãi suất đến ngày xét xử vụ án là ông Nguyễn Thanh H sẽ tính bổ sung sau. Ông Nguyễn Thanh H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai buộc bà Hứa Thị Thu T phải hoàn trả khoản tiền sau khi đã đối trừ nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Thanh H, số tiền gốc là 2.011.800.000VNĐ, tiền lãi suất là 1.569.204.000VNĐ. Tổng cộng là 3.581.004.000VNĐ (*Ba tỷ, năm trăm tám mươi một triệu, không trăm linh bốn nghìn đồng*).

Ý kiến của nguyên đơn bà Hứa Thị Thu T và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, đối với yêu cầu phản tố của bị đơn: Trong các bản tự khai ngày 03/6/2019; 18/6/2019; 18/7/2019; 07/8/2019 của bà Hứa Thị Thu T trong

quá trình giải quyết vụ án và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa, đều trình bày: Theo nội dung phản tố và các giấy ủy nhiệm chi và giấy nộp tiền do ông Nguyễn Thanh H nộp cho Tòa án thì từ ngày 16/5/2014 đến ngày 26/12/2014 ông Nguyễn Thanh H có chuyển vào tài khoản cá nhân của bà Hứa Thị Thu T các lần chuyển tiền cụ thể như sau: Ngày 16/5/2014 chuyển 550.000.000 VNĐ (*năm trăm năm mươi triệu đồng).*

Ngày 23/9/2014 chuyển 250.000.000 VNĐ (*Hai trăm năm mươi triệu đồng).*

Ngày 23/12/2014 chuyển 500 000 000 VNĐ (*Năm trăm triệu đồng).*

Ngày 25/12/2014 chuyển 1.020.000.000 VNĐ *(Một tỷ không trăm hai mươi triệu đồng)*

Ngày 26/12/2014 chuyển hai lần là 2.010.000 000VNĐ (*Hai tỷ không trăm mười triệu đồng)*

Tổng cộng là 4.330.000.000 VNĐ (*Bốn tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng*). Ông Nguyễn Thanh H cho rằng đây là số tiền chuyển cho bà Hứa Thị Thu T trong thời gian dài từ ngày 16/5/2014 đến ngày 26/12/2014 là khoản tiền ông Nguyễn Thanh H cho bà Hứa Thị Thu T vay là không đúng với bản chất của việc chuyển tiền. Bà Hứa Thị Thu T khẳng định bà chưa bao giờ trao đổi thỏa thuận vay tiền của ông Nguyễn Thanh H. Trong năm 2014 cá nhân ông Nguyễn Thanh H và Công ty TNHH ĐT&XD H do ông Nguyễn Thanh H làm Giám đốc gặp rất nhiều khó khăn trong kinh doanh. Thực tế ông Nguyễn Thanh H đã thừa nhận vào ngày 15/10/2014 cá nhân ông Nguyễn Thanh H còn phải vay thêm của bà Hứa Thị Thu T 150.000.000 để trả nợ ngân hàng.

Các khoản tiền ông Nguyễn Thanh H chuyển vào tài khoản của bà Hứa Thị Thu T trong thời gian từ ngày 16/5/2014 đến ngày 26/12/2014 thực tế là các khoản tiền cụ thể như sau: Khoản tiền 800.000.000VNĐ ông Nguyễn Thanh H chuyển tiền vào tài khoản của bà Hứa Thị Thu T vào ngày 16/5/2014 và ngày 23/9/2014 là khoản tiền mà Công ty Cổ phần B (*Do bà Hứa Thị Thu T là Giám đốc*) chuyển cho công ty TNHH ĐT&XD H (*Do ông Nguyễn Thanh H là Giám đốc*) để mua hóa đơn VAT quyết toán tài chính của Công ty Cổ phần B. Vì trước đó hai công ty nhiều lần mua bán hóa đơn với nhau, bản chất sự thật là Công ty Cổ phần B chuyển tiền ghi lý do để thuê công ty H vận chuyển mạt thải khai thác đá, mua đá QUACZIT (*Trước đó theo Hợp đồng của các bên*). Nhưng thực chất là không có việc vận chuyển mà căn cứ vào hợp đồng để Công ty Cổ phần B chuyển tiền cho Công ty TNHH ĐT&XD H, để Công ty TNHH ĐT&XD H sau khi khấu trừ % tiền thuế VAT, số còn lại sẽ chuyển trả cho Công ty Cổ phần B. Khoản tiền này Công ty Cổ phần B đã sử dụng để chia lợi nhuận cho một số thành viên trong công ty (*Trong đó có ông Nguyễn Thanh H cũng được chia trong khoản tiền này, nội dung được thể hiện trong nội dung bà Hứa Thị Thu T ghi âm trao đổi với bà Tạ Thị Tuyết Nhung thành viên quản lý của Công ty Cổ phần B ngày 07,08/01/2015*). Khoản tiền 3.530.000.000VNĐ chuyển từ ngày 23/12/2014 đến ngày 26/12/2014 đây là khoản tiền nội bộ Công ty Cổ phần B cũng đã thống nhất với ông Nguyễn Thanh H là giám đốc của Công ty TNHH ĐT&XD H và cũng là cổ đông của Công ty Cổ phần

B, tiếp tục thực hiện việc chuyển tiền với nội dung Công ty Cổ phần B chuyển tiền cho Công ty TNHH ĐT&XD H để mua hóa đơn VAT mua bán đá QUACZIT và Công ty TNHH ĐT&XD H xuất hóa đơn để Công ty Cổ phần B quyết toán các khoản tiền chi không hợp lý chưa có chứng từ quyết toán khi báo cáo thuế với Nhà nước. Sau khi chuyển tiền cho Công ty TNHH ĐT&XD H, ông Nguyễn Thanh H đã rút tiền chuyển trả lại tiền cho Công ty Cổ phần B thông qua tài khoản của bà Hứa Thị Thu T, bà Hứa Thị Thu T đã chuyển ngay lại vào tài khoản của Công ty Cổ phần B để Công ty Cổ phần B có tiền lại chuyển tiếp vào tài khoản của Công ty TNHH ĐT&XD H, cứ chuyển đi chuyển lại như vậy cho đủ số chứng từ cần quyết toán là 3.530.000.000VNĐ, chứ không phải là tiền ông Nguyễn Thanh H chuyển cho bà Hứa Thị Thu T vay (*Sự thật của việc chuyển tiền này ông Nguyễn Thanh H đã xác định được thể hiện trong nội dung bà Hứa Thị Thu T ghi âm cuộc trao đổi điện thoại với ông Nguyễn Thanh H ngày 25/4/2015 để làm căn cứ chứng minh không phải là tiền chuyển cho vay*). Sau khi chuyển tiền, do nội bộ Công ty Cổ phần B không thống nhất cách quyết toán, nên Công ty TNHH ĐT&XD H cũng chưa xuất hóa đơn VAT hết năm 2014 cho Công ty Cổ phần B, hai công ty cũng không thể thực hiện đối chiếu công nợ được với nhau cho đến nay. Mục đích ông Nguyễn Thanh H tự ghi vào các giấy ủy nhiệm chi, cũng như chứng từ khi chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bà Hứa Thị Thu T là "*Chuyển tiền cho vay*" vì khi ông Nguyễn Thanh H chuyển tiền theo tài khoản cá nhân để bà Hứa Thị Thu T chuyển lại cho Công ty Cổ phần B. Công ty Cổ phần B lại chuyển tiền vào tài khoản của Công ty TNHH ĐT&XD H, thì về thực tế là Công ty Cổ phần B đang trả nợ Công ty TNHH ĐT&XD H, khoản tiền Công ty Cổ phần B còn nợ Công ty TNHH ĐT&XD H đã đối chiếu công nợ ngày 31/5/2014 sẽ bị giảm (*Công ty Cổ phần B không còn nợ Công ty TNHH ĐT&XD H nữa, số tiền chuyển là tương đương với khoản nợ*). Nên ông Nguyễn Thanh H đã ghi là "*Chuyển tiền cho vay*" để mục đích xác định như là tiền cho bà Hứa Thị Thu T (*Giám đốc Công ty Cổ phần B*) vay, để sau này có căn cứ đối chiếu đòi nợ, chứ thực chất không phải là khoản tiền ông Nguyễn Thanh H cho bà Hứa Thị Thu T vay. Ông Nguyễn Thanh H lợi dụng vào việc có các giấy chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bà Hứa Thị Thu T với nội dung ông Nguyễn Thanh H tự ghi là "*Chuyển tiền cho vay*" này để phản tố. Thực chất số tiền chỉ là chuyển đi, chuyển lại để phục vụ cho việc hợp thức hóa việc mua bán hóa đơn VAT giữa hai công ty với nhau.

Việc chuyển tiền được thể hiện trên sổ phụ của ngân hàng ghi lại lịch sử chuyển tiền giữa các tài khoản. Cụ thể, từ tháng 01/2014 Công ty Cổ phần B đã chuyển tiền vài lần cho Công ty TNHH ĐT&XD H, ông Nguyễn Thanh H đã chuyển lại cho Công ty Cổ phần B khoản 800.000.000VNĐ vào 02 lần là ngày 16/5/2014 và ngày 23/9/2014. Đến trước ngày 22/12/2014 Công ty Cổ phần B đã chuyển tiền cho Công ty TNHH ĐT&XD H 500.000.000VNĐ sau đó đến ngày 23/12/2014 ông Nguyễn Thanh H cho rút ra và chuyển lại vào tài khoản của bà Hứa Thị Thu T số tiền 500 000 000VNĐ. Bà Hứa Thị Thu T nộp lại vào tài khoản của Công ty Cổ phần B vào ngày 24/12/2014, tiếp đó cùng ngày 24/12/2014 Công ty

Bắc Hà chuyển cho Công ty TNHH ĐT&XD H số tiền 520.150 000VNĐ. Ngày 25/12/2014 Công ty Cổ phần B chuyển cho Công ty TNHH ĐT&XD H số tiền 1.000.200.000VNĐ. Sau đó ông Nguyễn Thanh H đã cho rút ra chuyển lại vào tài khoản của bà Hứa Thị Thu T số tiền 1.020.000.000VNĐ. Cùng ngày 25/12/2014 bà Hứa Thị Thu T đã rút số tiền này và nộp lại luôn vào tài khoản của Công ty Cổ phần B 1.020.000.000VNĐ. Công ty Cổ phần B có tiền ngày 26/12/2014 Công ty Bắc Hà chuyển cho Công ty TNHH ĐT&XD H 2.010.000.000 VNĐ, và cùng ngày thì ông Nguyễn Thanh H rút ra và chuyển trả lại vào tài khoản của bà Hứa Thị Thuy Thủy số tiền này để bà Hứa Thị Thu T rút ra nộp vào Công ty Cổ phần B. Ngày 26/12/2014 bà Hứa Thị Thu T chuyển nộp vào tài khoản của Công ty Cổ phần B 1.000.000.000VNĐ, ngày 27/12/2014 bà Hứa Thị Thu T nộp vào 1.010.000.000VNĐ. Khi bà Hứa Thị Thu T phát hiện thấy việc ông Nguyễn Thanh H chuyển tiền vào tài khoản cá nhân ghi là "*Chuyển tiền cho vay*", nên ngày 24/5/2015 bà Hứa Thị Thu T đã điện thoại trao đổi với ông Nguyễn Thanh H về việc đòi nợ và hỏi lý do ghi chuyển tiền cho bà Hứa Thị Thu T lại ghi là "*Chuyển tiền cho vay*". Trong nội dung ghi âm ông Nguyễn Thanh H đã xác định rõ bản chất việc chuyển các khoản tiền tổng là 4.330.000.000VNĐ không phải là tiền bà Hứa Thị Thu T vay của ông Nguyễn Thanh H. Do đó, yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thanh H yêu cầu bà Hứa Thị Thu T hoàn trả khoản tiền đã chuyển nhiều lần vào tài khoản cá nhân của bà Hứa Thị Thu T xác định là khoản tiền cho vay để đối trừ là không đúng sự thật. Nguyên đơn đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Bà Hứa Thị Thu T xác định theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/5/2014 thì Công ty Cổ phần B còn nợ cho Công ty TNHH ĐT&XD H số tiền là 4.243.148.195VNĐ, do đó sau ngày 31/5/2014 nguồn tiền Công ty Cổ phần B chuyển cho Công ty TNHH ĐT&XD H được thể hiện trên thực tế ở trên tài khoản của hai công ty. Khi Công ty TNHH ĐT&XD H có tranh chấp với Công ty Cổ phần B về việc thanh toán khoản nợ thì đây là việc giải quyết của hai công ty với nhau, không liên quan đến khoản nợ của cá nhân bà Hứa Thị Thu T cho ông Nguyễn Thanh H vay.

Tại phiên toà, nguyên đơn; người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và ý kiến đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà, phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự, trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, của Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng tại phiên toà là đúng theo các quy định của pháp luật, đảm bảo đúng trình tự luật định, không vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, Viện kiểm sát nghiên cứu hồ sơ đảm bảo đúng pháp luật.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử, áp dụng khoản 1, Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, khoản 2, Điều 469 và điểm b, khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hứa Thị Thu T. Buộc ông Nguyễn Thanh H phải hoàn trả khoản tiền gốc đã vay cho bà Hứa Thị Thu T là 2.150.000.000VNĐ (*Hai tỷ một trăm năm mươi triệu đồng*) và khoản tiền lãi suất tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày xét xử 15/11/2019 với mức lãi suất 1%/tháng.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thanh H về việc yêu cầu bà Hứa Thị Thu T phải hoàn trả khoản tiền đã cho vay sau khi đối trừ là số tiền 3.581.004. 000VNĐ *(Ba tỷ, năm trăm tám mốt nghìn, không trăm linh bốn đồng*).

Ngoài ra còn đề nghị tuyên nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Thanh H và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh H là ông Bùi Xuân D đã được Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, triệu tập hợp lệ đến phiên tòa xét xử lần thứ ba nhưng vẫn vắng mặt. Tại phiên tòa lần thứ 2 ngày 07/11/2019 bị đơn ông Nguyễn Thanh H và người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Thanh H, vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, có yêu cầu giải quyết đối với nội dung phản tố, nhưng nguyên đơn yêu cầu hoãn phiên tòa để triệu tập ông Nguyễn Thanh H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đến phiên tòa để đối chất làm rõ bản chất của sự việc. Tại phiên tòa lần này, bị đơn và đại diện của bị đơn vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. *Về áp dụng pháp luật:* Hợp đồng kinh tế về việc mượn tiền (Hợp đồng vay tài sản) được giao kết giữa bà Hứa Thị Thu T và ông Nguyễn Thanh H được xác lập vào ngày 11/5/2014, thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực thi hành. Đến ngày Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Bộ luật dân sự 2005 đã hết hiệu lực. Xét thấy, khi giải quyết quan hệ pháp luật tranh chấp là hợp đồng vay tài sản đang thực hiện có nội dung, hình thức phù hợp với các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, thì cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án, theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

[3]. *Về nội dung vụ án:* Ngày 11/5/2014 bà Hứa Thị Thu T; ông Nguyễn Văn K và ông Nguyễn Thanh H có xác lập Hợp đồng kinh tế về việc mượn tiền. Trong hợp đồng có xác định bên cho vay tài sản là ông Nguyễn Văn K và bà Hứa Thị Thu T; bên vay tài sản là ông Nguyễn Thanh H, tổng số tiền cho vay là 4.000.000.000VNĐ (*Bốn tỷ đồng*). Trong đó bà Hứa Thị Thu T và ông Nguyễn Văn K mỗi người cho vay 2.000.000.000VNĐ (*Hai tỷ đồng*). Trong hợp đồng có thỏa thuận

mức lãi suất cho vay, tài sản bảo đảm; phương thức trả nợ, số tiền cho vay đã được bên vay là ông Nguyễn Thanh H xác định đã nhận đủ.

Đến ngày 15/10/2014 bà Hứa Thị Thu T là bên cho vay tài sản có cho ông Nguyễn Thanh H là bên vay tài sản, vay thêm số tiền là 150.000.000VNĐ (*Một trăm năm mươi triệu đồng*). Bà Hứa Thị Thu T đã chuyển khoản cho ông Nguyễn Thanh H. Bị đơn ông Nguyễn Thanh H xác định đã nhận được khoản tiền cho vay này.

Đây là các hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn, có nội dung thỏa thuận phù hợp với các quy định của pháp luật. Bên cho vay đã giao tài sản và bên vay đã nhận được tài sản. Do đó, hợp đồng vay tài sản không có kỳ hạn này có giá trị pháp lý bắt buộc các bên phải thực hiện theo đúng nội dung đã thỏa thuận giao kết trong hợp đồng và theo quy định của pháp luật.

Số tiền 2.000.000.000VNĐ (*Hai tỷ đồng*) ông Nguyễn Thanh H vay của ông Nguyễn Văn K cùng với bà Hứa Thị Thu T ngày 11/5.2014, ông Nguyễn Thanh H đã trả xong cho ông Nguyễn Văn K vào đầu năm 2015 (*Ông Nguyễn Thanh H và ông Nguyễn Văn K đã xác nhận nội dung hoàn trả nợ này*).

Ngày 26/11/2018 nguyên đơn bà Hứa Thị Thu T gửi thông báo đề nghị thanh toán khoản tiền vay gửi cho ông Nguyễn Thanh H với nội dung, yêu cầu ông Nguyễn Thanh H thanh toán số tiền nợ bao gồm: Nợ gốc là 2.150.000.000VNĐ và tiền lãi suất tạm tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày 01/12/2018 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng số tiền là: 1.410.000.000VNĐ. Tổng cộng cả gốc và lãi là 3.560.000.000VNĐ. Ngày 27/11/2018 ông Nguyễn Thanh H đã nhận được thông báo trả nợ, nhưng hết thời gian thông báo ông Nguyễn Thanh H không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền đã vay. Do đó, ngày 27/02/2019 nguyên đơn bà Hứa Thị Thu T khởi kiện ông Nguyễn Thanh H yêu cầu hoàn trả các khoản tiền đã cho vay là đúng thủ tục quy định tại Điều 469 của Bộ luật dân sự.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hứa Thị Thu T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã xác định: Ông Nguyễn Thanh H có vay của bà Hứa Thị Thu T số tiền 2.150.000.000VNĐ. Trong đó, ông Nguyễn Thanh H vay 2.000.000.000VNĐ theo hợp đồng vay tài sản ngày 11/5/2014 và vay 150.000.000VNĐ vào ngày 11/10/2014 không lập hợp đồng. Nguyên đơn bà Hứa Thị Thu T yêu cầu ông Nguyễn Thanh H phải hoàn trả tiền vay nợ gốc 2.150.000.000VNĐ và tiền lãi suất tính từ 01/01/2015 với mức lãi suất 1%/ tháng. Tại các bản tự khai và biên bản lấy lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khởi kiện và bị đơn đều thừa nhận các khoản vay và khẳng định đến nay chưa thanh toán tiền đã vay cho nguyên đơn. Đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, theo quy định tại điểm b, khoản 1, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, việc nguyên đơn bà Hứa Thị Thu T khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Thanh H thanh toán hoàn trả khoản tiền vay nợ gốc là: 2.150.000.000VNĐ và khoản tiền lãi suất của số tiền vay tương đương với 01%/tháng tính từ ngày 01/01/2015 đến ngày xét xử 15/11/2019 là 1.257.000.000VNĐ. Tổng cộng: 3.407.000.000VNĐ (*Ba tỷ, bốn trăm linh bẩy triệu đồng*) là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật, cần được chấp nhận.

Xét yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thanh H, với nội dung: Ông Nguyễn Thanh H cho rằng, sau khi vay tiền của bà Hứa Thị Thu T, ông Nguyễn Thanh H đã trả tiền cho bà Hứa Thị Thu T bằng các lần chuyển tiền cho vay vào tài khoản riêng của bà Hứa Thị Thu T từ ngày 16/5/2014 đến ngày 26/12/2014 tổng cộng là: 4.330.000.000VNĐ (*Bốn tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng*) để đối trừ trả nợ, ông Nguyễn Thanh H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, buộc bà Hứa Thị Thu T phải hoàn trả khoản tiền sau khi đã đối trừ nghĩa vụ trả nợ cho ông Nguyễn Thanh H, số tiền gốc là 2.011.800.000VNĐ, tiền lãi suất 1,5%/tháng là 1.569.204.000VNĐ. Tổng cộng là 3.581.004.000VNĐ (*Ba tỷ, năm trăm tám mươi một triệu, không trăm linh bốn nghìn đồng*).

Chứng cứ, bị đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu phản tố để đối trừ nghĩa vụ hoàn trả khoản tiền đã vay của nguyên đơn là các chứng từ là giấy nộp tiền và giấy ủy nhiệm chi chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bà Hứa Thị Thu T từ ngày 16/5/2014 đến ngày 26/12/2014 với số tiền là: 4.330.000.000 VNĐ (*Bốn tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng*), nội dung ông Nguyễn Thanh H ghi khi chuyển tiền là "*Chuyển tiền cho vay*", ngoài ra bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác.

Trong các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hứa Thị Thu T đều xác định: Bản chất của việc bị đơn ông Nguyễn Thanh H cung cấp các chứng từ là giấy nộp tiền và giấy ủy nhiệm chi chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bà Hứa Thị Thu T từ ngày 16/5/2014 đến ngày 26/12/2014 với số tiền là: 4.330.000.000 VNĐ (*Bốn tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng*) không đúng như nội dung ông Nguyễn Thanh H ghi là "*Chuyển tiền cho vay*" vì: Bà Hứa Thị Thu T chưa bao giờ thỏa thuận vay tiền của ông Nguyễn Thanh H. Trong thời gian bà Hứa Thị Thu T đang cho ông Nguyễn Thanh H vay tiền, ông Nguyễn Thanh H còn đang rất khó khăn chưa trả được nợ và đến ngày 15/10/2014 bà Hứa Thị Thu T còn cho ông Nguyễn Thanh H vay thêm khoản tiền 150.000.000VNĐ để trả nợ ngân hàng, ông Nguyễn Thanh H còn chưa trả được nợ cho bà Hứa Thị Thu T, thì làm gì có nguồn tiền để cho bà Hứa Thị Thu T vay như vậy. Mặt khác, không có thỏa thuận vay tiền nào kéo dài trong thời gian là 07 tháng như ông Nguyễn Thanh H xác định từ ngày 16/5/2014 đến ngày 26/12/2014 chuyển nhiều lần cho vay với số tiền là: 4.330.000.000VNĐ và không có một người đứng đầu tổ chức doanh nghiệp nào lại xác định nguồn tiền cho vay được rút tiền từ doanh nghiệp cho cá nhân vay tùy tiện như vậy trong hoạt động tài chính của một doanh nghiệp (*Lời khai của ông Nguyễn Thanh H ngày 19/6/2019 xác định nguồn tiền cho vay được lấy từ tiền Công ty Cổ phần B chuyển cho Công ty TNHH ĐT và XD Hoàng Hà, tiền bán hàng đá Quăzit*).

Thực chất nguồn tiền mà ông Nguyễn Thanh H chuyển từ ngày 16/5/2014 đến ngày 26/12/2014 vào tài khoản các nhân của bà Hứa Thị Thu T xuất phát từ Công ty Cổ phần B (*Do bà Hứa Thị Thu T làm Giám đốc*) chuyển vào tài khoản của Công ty TNHH ĐT&XD H (*Do ông Nguyễn Thanh H làm Giám đốc*) trên chứng từ là thanh, quyết toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của hai công ty, ông Nguyễn Thanh H rút số tiền này ra chuyển lại vào tài khoản cá nhân của bà

Hứa Thị Thu T để chuyển lại nguồn tiền cho Công ty Cổ phần B, tiếp tục có nguồn tiền thực hiện việc chuyển tiền với nội dung Công ty Cổ phần B chuyển tiền cho Công ty TNHH ĐT&XD H để mua bán đá QUACZIT và Công ty TNHH ĐT&XD H xuất hóa đơn để Công ty Cổ phần B quyết toán các khoản tiền chi không hợp lý chưa có chứng từ quyết toán khi báo cáo thuế với Nhà nước (*Việc này nội bộ Công ty Cổ phần B cũng đã thống nhất với ông Nguyễn Thanh H là giám đốc của Công ty TNHH ĐT&XD H và cũng là cổ đông của Công ty Cổ phần B*). Đây không phải là tiền ông Nguyễn Thanh H chuyển cho bà Hứa Thị Thu T vay. Mục đích ông Nguyễn Thanh H tự ghi vào các giấy ủy nhiệm chi, cũng như chứng từ khi chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bà Hứa Thị Thu T là "*Chuyển tiền cho vay*" vì khi ông Nguyễn Thanh H chuyển tiền theo tài khoản cá nhân để bà Hứa Thị Thu T chuyển lại cho Công ty Cổ phần B, về nguyên tắc Công ty Cổ phần B chuyển tiền trả tiền hàng thì Công ty TNHH ĐT&XD H phải xuất hóa đơn VAT, như vậy trên thực tế là Công ty Cổ phần B đang trả nợ Công ty TNHH ĐT&XD H, khoản tiền Công ty Cổ phần B còn nợ Công ty TNHH ĐT&XD H đã đối chiếu công nợ theo biên bản ngày 31/5/2014 là 4.243.148.195VNĐ sẽ bị giảm (*Công ty Cổ phần B không còn nợ Công ty TNHH ĐT&XD H nữa, số tiền chuyển là tương đương với khoản nợ*). Nên ông Nguyễn Thanh H đã ghi là "*Chuyển tiền cho vay*" để mục đích xác định như là tiền cho bà Hứa Thị Thu T (*Giám đốc Công ty Cổ phần Băc Hà*) vay, để sau này có căn cứ đối chiếu đòi nợ, chứ thực chất không phải là khoản tiền ông Nguyễn Thanh H cho bà Hứa Thị Thu T vay. Ông Nguyễn Thanh H lợi dụng vào việc có các giấy chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bà Hứa Thị Thu T, mà ông Nguyễn Thanh H tự ghi vào khi chuyển tiền với nội dung "*Chuyển tiền cho vay*" này để phản tố.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Chứng cứ, bị đơn cung cấp để chứng minh cho yêu cầu phản tố là các chứng từ là giấy nộp tiền và giấy ủy nhiệm chi chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bà Hứa Thị Thu T từ ngày 16/5/2014 đến ngày 26/12/2014 có nội dung ông Nguyễn Thanh H ghi khi chuyển tiền là "*Chuyển tiền cho vay*", ngoài ra bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào khác. Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã được Tòa án cung cấp bằng hình thức sao chụp lại nhưng không có ý kiến phản đối.

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do các đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở để xác định: Lời khai của nguyên đơn bà Hứa Thị Thu T là hoàn toàn phù hợp với các chứng cứ do nguyên đơn bà Hứa Thị Thu T cung cấp, là biên bản đối chiếu công nợ nội bộ giữa Công ty Cổ phần B (*Sau đây gọi tắt là Công ty Bắc Hà*) ngày 31/5/2014 Công ty Bắc Hà còn nợ Công ty TNHH ĐT&XD H (*Say đây gọi tắt là Công ty Hoàng Hà*) số tiền mua hàng đá Quăzit và các khoản là 4.243.148.195VNĐ. Nội dung các lần chuyển tiền thực tế phù hợp với nội dung hội thoại của bản ghi âm được nguyên đơn xác định (*Người gọi điện thoại là bà Hứa Thị Thu T và người nghe điện thoại và trao đổi là ông Nguyên Thanh Hà vào ngày 24/5/2015*). Chứng cứ này đã được cung cấp cho người

đại diện theo ủy quyền của bị đơn, nhưng bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không có ý kiến phản đối.

Nội dung ghi âm hội thoại đã trao đổi giữa ông Nguyễn Thanh H và bà Hứa Thị Thu T ngày 24/5/2015 như sau:

"Hà: Nhưng bây giờ phải nói như thế này chị phải hiểu này bây giờ vô hình dung vừa rồi chị chuyển cho 3,5 tỷ dư đấy em chuyển lại cho chị đấy

Thủy:chị biết

Hà: Thành ra cuối cùng công ty giả công mà công ty Bắc Hà giả hết cho em

Thủy: Chị biết nhé.

Hà: Đúng không.

Thủy: Ừ, Bắc Hà chuyển, có phải chị lúc đấy là người ký ủy nhiệm chi không đã, em cũng thừa hiểu ai là người chỉ đạo chuyển mới chuyển được

Hà: Hiểu,đúng luật, bây giờ tình ngay lý gian vô hình dung công ty Bắc Hà đã giả em hết tiền rồi, mà em còn âm công ty Bắc Hà mấy trăm triệu.

Thủy: Thôi cái việc đấy cứ để rồi chị cũng phải ấy thôi nhưng bây giờ chị đang

Hà: Nói chung cũng phải làm, cũng phải làm cho ra nhẽ em không chịu được nữa rồi, chỉ bảo cả một năm trời không một xu nào cả, mấy tỉ bạc không lấy được một đồng nào cả, tết nhất không có một xu nào.

Thủy: Chị biết là ai là người xui em, em ghi cái tiền chuyển trong nội dung nộp tiền tài khoản của chị,

Hà: Em nói thật với chị này, hôm ấy cũng ý nhị em đã không cố tình em không chuyển lại cái 800 triệu là như thế vì là các chị dục nhiều quá thôi em cũng cả nể, em nói thật là như thế, hôm ấy em không chuyển chuyển lại là hay em không đồng ý với phương án ấy là tốt, vì em cả nể em nghĩ như em phải ghi rõ ràng là như vậy.

Thủy: Thế còn ai bảo em ghi rõ ràng như thế, chị biết.

Hà: Nhưng không ai bảo em cả, chính em bác Quyết bảo chị, theo chị cậu không chuyển lại, thế chị Thủy công ty như thế chị không chuyển lại nó không ra sao, tại vì bà Quyết bà còn đòi bà bảo số nợ và số tiền dư ngang ngang nhau lên không chuyển lại, chuyển lại nó cái một cái là cậu mất hết, em cố tình em phải ghi như thế em nói thật còn chả ai bảo em"....

Nội dung hội thoại này hoàn toàn phù hợp với lời khai của nguyên đơn, đã xác định việc ông Nguyễn Thanh H chuyển tiền vào tài khoản của bà Hứa Thị Thu T không phải là khoản tiền ông Nguyễn Thanh H cho bà Hứa Thị Thu T vay, mục đích ghi "*Chuyển tiền cho vay*" là có sự trao đổi nội dung ghi với bà Nguyễn Thị Quyết (Kế toán của Công ty Hoàng Hà) để tránh việc giảm khoản nợ của Công ty Hoàng Hà đối với Công ty Bắc Hà.

Về nguồn tiền chuyển đi từ Công ty Bắc Hà cho Công ty Hoàng Hà và nguồn chuyển lại của người chuyển là ông Nguyễn Thanh H trên các tài khoản cá nhân của bà Hứa Thị Thu T được Tòa án thu thập tại Ngân hàng nông nghiệp tỉnh Lào

Cai (*Tại các sổ phụ ghi lại lịch sử giao dịch chuyển tiền*) phù hợp với lời khai của bà Hứa Thị Thu T, phù hợp với từng lần chuyển tiền.

Như vậy, việc ông Nguyễn Thanh H_chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của bà Hứa Thị Thu T từ ngày 16/5/2014 đến ngày 26/12/2014 với số tiền là: 4.330.000.000 VNĐ (*Bốn tỷ ba trăm ba mươi triệu đồng*), có nội dung ông Nguyễn Thanh H ghi khi chuyển tiền là "*Chuyển tiền cho vay*", bản chất không phải là khoản tiền ông Nguyễn Thanh H cho bà Hứa Thị Thu T vay như nội dung ông Nguyễn Thanh H xác định trong nội dung phản tố. Điều này còn được chứng minh bởi, nội dung các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thanh H đã xác định, tính đến thời điểm bà Hứa Thị Thu T khởi kiện tháng 3/2019 ông Nguyễn Thanh H cũng chưa hoàn trả được các khoản tiền vay cho bà Hứa Thị Thu T: Bản tự khai ngày 03/4/2019 "*Ông Nguyễn Thanh H thừa nhận các khoản vay của bà Hứa Thị Thu T chưa thanh toán được. Sau khi nhận được giấy đề nghị thanh toán trả nợ, cũng chưa gặp nhau được để thống nhất việc trả nợ... do gặp nhiều khó khăn nên tôi chưa thanh toán được số tiền vay cho chị Thủy*". Nội dung biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 09/4/2019 bị đơn ông Nguyễn Thanh H đã thừa nhận: "*Do làm ăn thua lỗ, vào đầu năm 2015 tôi cũng đề nghị gán 5% cổ phần tại Công ty Cổ phần B , tương ứng với số tiền 2.000.000.000VNĐ (Hai tỷ đồng) nhưng chị Thủy không tiếp nhận, nên đến nay tôi rất khó khăn chưa thanh toán được số tiền vay cho chị Thủy*" và nội dung biên bản ghi lời khai người làm chứng ngày 12/4/2019 ông Nguyễn Văn K đã xác định "*Khoản tiền tôi cho anh Nguyễn Thanh H vay chung với chị Hứa Thị Thu T số tiền 2.000.000.000VNĐ anh Nguyễn Thanh H đã trả cho tôi đầy đủ vào năm 2015.....Tôi được biết hai bên anh Nguyễn Thanh H và chị Hứa Thị Thu T đều trao đổi với tôi là chưa thanh toán với nhau khoản tiền anh Nguyễn Thanh H vay chị Thủy 2.000.000.000VNĐ. Cuối năm 2018 anh Hà và chị Thủy đều trao đổi với tôi về khoản tiền này, anh Nguyễn Thanh H chưa thanh toán cho chị Hứa Thị Thu T*".

Do đó, yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thanh H, buộc bà Hứa Thị Thu T phải hoàn trả khoản tiền sau khi đã đối trừ cho ông Nguyễn Thanh H khoản tiền gốc cho bà Hứa Thị Thu T vay lại là 2.011.800.000VNĐ và khoản tiền lãi suất 1,5%/ tháng của số tiền gốc còn nợ là 1.569.204.000VNĐ, tổng cộng là 3.581.004.000VNĐ, không có cơ sở để xác định đây là khoản tiền của cá nhân ông Nguyễn Thanh H cho bà Hứa Thị Thu T vay, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thanh H để đối trừ nghĩa vụ hoàn trả khoản trả khoản tiền đã vay của nguyên đơn.

Đối với, các khoản tiền được thể hiện trên chứng từ là thanh, quyết toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Bắc Hà và Công ty Hoàng Hà và các nội dung đối chiếu công nợ, thực hiện việc thanh quyết toán tài chính của hai công ty được giải quyết trong vụ án Kinh doanh thương mại khác khi có tranh chấp giữa các chủ thể, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[4] *Về án phí:* Theo qui định của pháp luật bị đơn ông Nguyễn Thanh H phải chịu khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm và khoản tiền án phí đối với yêu cầu phản tố

không được chấp nhận. Nguyên đơn bà Hứa Thị Thu T không phải chịu khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 147; khoản 1, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; 466; 469 và điểm b, khoản 1, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hứa Thị Thu T.

Buộc ông Nguyễn Thanh H phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Hứa Thị Thu T, số tiền vay gốc là 2.150.000.000VNĐ (*Hai tỷ, một trăm năm mươi triệu đồng*) và số tiền lãi suất là 1.257.000.000VNĐ (*Một tỷ, hai trăm năm mươi bẩy triệu đồng*). Tổng cộng là: 3.407.000.000VNĐ (*Ba tỷ, bốn trăm linh bẩy triệu đồng*).

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Nguyễn Thanh H về việc yêu cầu bà Hứa Thị Thu T phải hoàn trả khoản tiền sau khi đã đối trừ cho ông Nguyễn Thanh H khoản tiền gốc cho bà Hứa Thị Thu T vay lại là 2.011.800.000VNĐ (*Hai tỷ, không trăm mười một triệu, tám trăm nghìn đồng*) và khoản tiền lãi suất là 1.569.204.000VNĐ (*Một tỷ, năm trăm sáu mươi chín triệu, hai trăm linh bốn nghìn đồng*). Tổng cộng là 3.581.004.000VNĐ (*Ba tỷ, năm trăm tám mươi một triệu, không trăm linh bốn nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người yêu cầu bà Hứa Thị Thu T có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền phải hoàn trả, cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án, nếu ông Nguyễn Thanh H không thi hành xong khoản tiền phải hoàn trả, thì hàng tháng ông Nguyễn Thanh H còn phải chịu thêm khoản tiền lãi suất tương ứng với thời gian chưa thi hành án, theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

3. *Về án phí*: Buộc bị đơn ông Nguyễn Thanh H người phải chịu 100.140.000VNĐ (*Một trăm triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng)* khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm và 103.620.080VNĐ (*Một trăm linh ba triệu, sáu trăm hai mươi nghìn, không trăm tám mươi đồng*) khoản tiền án phí dân sự phần yêu cầu phản tố không được chấp nhận. Tổng cộng là 203.760.080 (*Hai trăm linh ba triệu, bẩy trăm sáu mươi nghìn, không trăm tám mươi đồng*). Xác nhận ông Nguyễn Thanh H đã nộp số tiền 51.810.000VNĐ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000048 ngày 28/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai. Ông Nguyễn Thanh H còn phải nộp số tiền 151.950.080VNĐ (*Một trăm năm mươi một triệu, chín trăm năm mươi nghìn, không trăm tám mươi đồng*)

Nguyên đơn, bà Hứa Thị Thu T không phải chịu khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 52.200.000VNĐ *(Năm mươi hai triệu, hai trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số:

0007911 ngày 25/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (02);
- Chi cục THADS huyện Bảo Thắng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Ngọc Thanh